TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ - ST.
Ngày: 19 - 3 - 2018.
V/v tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Thanh Tâm.

Ông Nguyễn Văn Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 238/2017/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Cao Hồng N; sinh năm: 1992; địa chỉ: ấp M, xã T, huyện X, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Đặng Trung N; sinh năm: 1988; địa chỉ: ấp A, xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 06/11/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Cao Hồng N trình bày: Bà Cao Hồng N và ông Đặng Trung N tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2014 và được Ủy ban nhân dân xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn quyển số: 136/2014, quyển số: I/2014 ngày 05/12/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian dài, đến năm 2016 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông N không lo làm ăn, từ đó vợ chồng bất đồng ý kiến trong cuộc sống thường xuyên cải vã qua lại, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, bà N và ông N sống ly thân từ tháng 5/2017 cho đến nay, sau khi sống ly thân thì bà N và ông N có gặp nhau nhưng không thể hàn gắn tình cảm. Trong thời gian chung sống,

bà N và ông N không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung.

Tại phiên tòa, bà Cao Hồng N yêu cầu ly hôn với ông Đặng Trung N; về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên bà N không yêu cầu gì.

- Đối với bị đơn ông Đặng Trung N: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông N nhưng ông N không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông N 02 lần để tham gia tố tụng tại phiên hòa giải nhưng ông N vẫn vắng mặt nên Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được. Bị đơn ông Đặng Trung N đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Tại phiên toà, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đối với bị đơn ông Đặng Trung N chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa xét thấy tình trạng của vợ chồng bà Cao Hồng N và ông Đặng Trung N đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Cao Hồng N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn ông Đặng Trung N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà Cao Hồng N và ông Đặng Trung N tự nguyện kết hôn vào năm 2014 và được Ủy ban nhân dân xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 136/2014, quyển số: I/2014 ngày 05/12/2014 nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông N là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, bà N có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét lý do yêu cầu ly hôn của bà Cao Hồng N, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà N cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do ông Nghĩa không lo làm ăn từ đó vợ chồng bất đồng ý kiến trong cuộc sống thường xuyên cải vã qua lại, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và sau khi sống ly thân thì bà N và ông N có gặp nhau nhưng không thể hàn gắn tình cảm. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để

động viên vợ chồng bà N và ông N đoàn tụ với nhau, nhưng ông N vẫn vắng mặt và bà N vẫn kiên quyết ly hôn với ông N vì tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy, tình trạng của vợ chồng bà N và ông N đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, xét việc bà N xin ly hôn với ông N là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông N.

[3] Về con chung: Bà Cao Hồng N xác định trong thời gian chung sống, bà N và ông N không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Cao Hồng N xác định trong thời gian chung sống bà N và ông Đặng Trung N không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Cao Hồng N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ông Đặng Trung N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Hồng N và ông Đặng Trung N được ly hôn.

Về con chung: Bà Cao Hồng N xác định trong thời gian chung sống, bà N và ông N không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Cao Hồng N xác định trong thời gian chung sống bà N và ông Đặng Trung N không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Cao Hồng N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà N đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008392 ngày 21/11/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Cao

Hồng N đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Đặng Trung N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn ông Đặng Trung N vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tống đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- UBND xã K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã Ký)

Lê Thị Cẩm Nhung